



Báo cáo Quỹ Liên Kết Đơn Vị

NĂM 2023

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ **SUN LIFE VIỆT NAM**

TP. HCM: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, 5 Công trường Mê Linh, P. Bến Nghé, Q. 1

Hà Nội: Tầng 22, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Ngọc Khánh, Ba Đình

Đà Nẵng: Tòa nhà Nexus, 75-77- 79, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu

1800 1786

www.sunlife.com.vn

Dichvu.Khanghang@sunlife.com

ref: ILPAR-202403



Mục lục

THÔNG điệp TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 4

NHỮNG THÔNG TIN NỔI BẬT VỀ SUN LIFE VIỆT NAM 2023

SUN LIFE VIỆT NAM TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
LÊN 17.944 TỶ ĐỒNG

Trang 6

GIẢI THƯỞNG

Trang 7

TÌNH HÌNH VĨ MÔ - TÀI CHÍNH 2023

Trang 8

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ TÀI SẢN

Trang 16

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
TRONG NĂM 2023

Trang 18

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ

Trang 24

TRIỂN VỌNG NĂM 2024

Trang 30

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

Trang 34

GIỚI THIỆU CÁC GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU
TỪ SUN LIFE VIỆT NAM

Trang 36

THÔNGIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC Sun Life Việt Nam

Kính gửi Quý Khách hàng,

Thay mặt đội ngũ nhân viên của Sun Life, tôi xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn Quý Khách hàng đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Trong năm 2023, chúng ta đã chứng kiến nhiều thách thức của nền kinh tế nói chung và thị trường bảo hiểm nói riêng, song với sự kiên định, sáng tạo không ngừng nghỉ để mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho Khách hàng, Chúng tôi rất tự hào đã tạo dựng một vị thế mới ở thị trường bảo hiểm Việt Nam:

- Thị phần đứng vào top 5 doanh nghiệp có doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới. Hiện Sun Life Việt Nam đang phục vụ hơn 310 nghìn Khách hàng trên cả nước.
- Đến 31/12/2023, Sun Life Việt Nam có vốn điều lệ 16.480 tỷ đồng, đứng thứ 3 trong các công ty bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam (vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 17.944 tỷ đồng vào tháng 2/2024).
- Sun Life là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kênh phân phối đa dạng nhất thị trường, bao gồm kênh tư vấn tài chính, Bancassurance, Khách hàng Doanh nghiệp và các đối tác.

Với mục đích giúp Khách hàng đạt được an toàn tài chính và cuộc sống khỏe mạnh và tươi sáng hơn, chúng tôi luôn sáng tạo không ngừng nghỉ và thực thi nhiều giải pháp nhằm mang đến những trải nghiệm tốt hơn cho Khách hàng thông qua các giải pháp về sản phẩm, dịch vụ Khách hàng.

Năm 2023 là năm hoạt động thứ tư của các Quỹ liên kết đơn vị của Sun Life Việt Nam và cũng là năm các Quỹ tiếp tục đạt được kết quả tăng trưởng ấn tượng. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng giá trị tài sản từ các Quỹ liên kết đơn vị của Khách hàng tăng 61,87% so với cùng kỳ. Giá trị tài sản ròng ("NAV") trên một đơn vị quỹ của Quỹ Tăng Trưởng, Quỹ Cân Bằng, Quỹ Bền Vững, Quỹ Tối Ưu và Quỹ Đăng Cấp lần lượt tăng ở mức 19,4%, 16,2%, 7,3%, 14,63% và 18,42%. Đây là những thành quả rất đáng ghi nhận, khi các quỹ đạt được kết quả đầu tư vượt trội so với các chỉ số chứng khoán chung.

Nhân dịp này, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Khách hàng đã ủng hộ và đồng hành cùng Sun Life trong suốt thời gian qua.

Xin kính chúc toàn thể Quý Khách hàng sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,

Luc Nhon Ly
Tổng giám đốc Sun Life Việt Nam



Hiện Sun Life Việt Nam đang phục vụ hơn 310 nghìn Khách hàng trên cả nước. Đến 31/12/2023, Sun Life có vốn điều lệ 16.480 tỷ đồng. Đứng thứ 3 trong các công ty bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam (vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 17.944 tỷ đồng vào tháng 2/2024). Sun Life là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kênh phân phối đa dạng nhất thị trường, bao gồm kênh tư vấn tài chính, Bancassurance, Khách hàng Doanh nghiệp và các đối tác.

SUN LIFE VIỆT NAM
TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN

17.944 tỷ đồng

Sun Life Việt Nam

Được vinh danh
giải thưởng
danh giá



NƠI LÀM VIỆC XUẤT SẮC
NĂM 2022, 2023

Sun Life Việt Nam vinh dự nhận được Chứng nhận "Nơi làm việc xuất sắc" năm 2022 và 2023 do tổ chức công bố Bảng xếp hạng Nơi làm việc Xuất sắc Hàng đầu Great Place to Work® (GPTW) trao tặng.

Tình hình Vĩ mô tài chính

NĂM 2023

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy yếu. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ và Châu Âu tăng trưởng chậm lại, trong khi tốc độ phục hồi của Trung Quốc không đạt như kỳ vọng đã tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn như Việt Nam.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn so với mục tiêu 6,5% do Quốc Hội phê duyệt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đã cải thiện dần qua các quý mặc dù vẫn còn tương đối chậm. Tăng trưởng GDP quý 4 đạt 6,72% so với mức tăng trưởng 5,3% trong 9 tháng đầu năm, nhờ các chính sách hỗ trợ tài khóa, cắt giảm lãi suất, giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ổn định cũng với tình hình sản xuất và xuất, nhập khẩu có xu hướng cải thiện vào cuối năm. Chỉ số lạm phát (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu kiểm soát dưới 4,5% do Quốc hội đề ra, chủ yếu nhờ bình quân giá xăng dầu trong nước giảm.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 29% trong tổng mức tăng chung do ảnh hưởng của suy thoái toàn cầu. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất liên tục duy trì dưới mức 50 điểm do các đơn đặt hàng mới giảm – đặc biệt là các đơn đặt hàng xuất khẩu – khiến các công ty phải giảm sản lượng và việc làm. Nhu cầu tiêu dùng của thế giới giảm làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu ở Việt Nam, ghi nhận lần lượt mức giảm 4,4% và 8,9%. Tuy nhiên Việt Nam vẫn ghi nhận suất siêu kỷ lục 28 tỷ USD chủ yếu do kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh hơn trong bối cảnh mặt bằng giá năng lượng và hàng hóa thế giới giảm.

Trong khi đó, khu vực dịch vụ tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng chính với mức tăng 6,82%, đóng góp 62% trong tổng mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp trung bình trong độ tuổi lao động giảm nhẹ xuống còn 2,28% so với mức trung bình 2,34% của 2022 trong khi thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng 6,9% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, nhóm ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,2% nhờ các địa phương đẩy mạnh các giải pháp kích cầu du lịch. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2023 đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, nhưng chỉ mới đạt 70% so với mức trước dịch (năm 2019).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký và giải ngân đạt lần lượt 36,6 tỷ USD (tăng 32,1% so với cùng kỳ) và 23,18 tỷ USD (tăng 3,5% với cùng kỳ). Giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023 đạt 638.315,9 tỷ đồng, bằng 96,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

GDP quý 4 năm 2023 đạt

6,72%

so với mức tăng trưởng
5,3% trong 9 tháng đầu năm.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Từ cuối năm 2022, Chính phủ đã ban hành hàng loạt giải pháp kích thích tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu suy giảm, mặt bằng lãi suất tăng cao gây tác động tiêu cực đến doanh nghiệp sản xuất và kiềm hãm hồi phục kinh tế. Theo đó, để kích cầu nhu cầu tín dụng trong nước và hỗ trợ nền kinh tế theo chỉ thị của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng qua việc cắt giảm liên tục nhiều lãi suất chính sách khác nhau trong nửa đầu năm 2023, với tổng 4 lần cắt giảm từ 0,5% đến 2% trong bối cảnh áp lực lạm phát giảm bớt, tỷ giá ổn định, dòng vốn nước ngoài chảy vào nhiều hơn so với cùng kỳ. Kết quả, các ngân hàng thương mại đã hạ lãi suất huy động và cho vay đáng kể xuống mức thấp nhất trong 20 năm, trung bình từ 2,5% đến 3%. Lãi suất cho vay cũng giảm nhưng tốc độ giảm vẫn bị chậm lại đáng kể so với lãi suất huy động. Mặt bằng lãi suất bình quân liên ngân hàng năm 2023 giảm đáng kể so với mặt bằng năm 2022 thể hiện trạng thái thanh khoản dồi dào, thị trường ngoại hối vận hành ổn định, không thiếu nguồn cung. Tuy nhiên, FED và nhiều ngân hàng trung ương lớn vẫn duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ, giữ lãi suất ở mức cao để đối phó với lạm phát, dẫn đến áp lực lên tỷ giá. Đến cuối năm 2023, VNĐ mất giá khoảng 3% so với USD.

Tăng trưởng tín dụng năm 2023

13,5%

cao hơn năm 2022 và gần đạt mục tiêu 14-15% của NHNN.

Những diễn biến chính sách tài chính và tiền tệ này đã giúp bù đắp tác động tiêu cực của nhu cầu toàn cầu yếu đối với nền kinh tế vào năm 2023 và dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hơn nữa vào năm 2024.

Tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 13,5%, cao hơn năm 2022 và gần đạt mục tiêu 14-15% của NHNN. Theo NHNN, con số này rất ấn tượng khi tăng trưởng tín dụng trong 10T2023 chỉ ở mức 7%. Việc hạ lãi suất cho vay và đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay đã thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ trong 2 tháng cuối năm 2023. Tăng trưởng huy động vốn ghi nhận ở mức 14,2% phù hợp với tăng trưởng tín dụng, cho thấy hoạt động cho vay chậm lại ở các ngân hàng do tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực từ ngành bất động sản và phản ánh thanh khoản dồi dào trong hệ thống.

Tổng giá trị phát hành TPDN trong năm 2023 được ghi nhận là

312.000 tỷ đồng

tăng 27,6% so với năm 2022.



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ:

Khối lượng huy động trái phiếu trong năm 2023 đạt 298.476 tỷ đồng trên thị trường sơ cấp. Kho bạc Nhà nước huy động 214.722 tỷ đồng. Tỷ lệ trúng thầu giảm mạnh hầu hết thời gian trong năm với mức giảm khoảng 1,7 - 2,3%. Đặc biệt, tỷ lệ trúng thầu giảm nhanh trong quý 2 và 2 tháng cuối năm. Kho bạc Nhà nước đã chủ động điều chỉnh kế hoạch huy động: tăng cường huy động kỳ hạn 5 năm trong Quý 3 để đảm bảo chỉ tiêu huy động. Đến cuối năm 2023, Kho bạc Nhà nước sẽ hoàn thành 98% kế hoạch huy động điều chỉnh (305.000 tỷ đồng).

Trên thị trường thứ cấp, 1.621.190 tỷ đồng (-15% YoY) được giao dịch trong năm 2023. Khối lượng giao dịch outright và repo lần lượt đạt 1.182.930 tỷ đồng (+8% YoY) và 438.260 tỷ đồng (-47% YoY). Thanh khoản tăng nhẹ so với Q4.2022 và chi bù đắp nỗ lực vào tháng cuối năm khi lợi suất tiến gần mức thấp kỷ lục.

Xu hướng giảm chiếm ưu thế đối với lợi suất trái phiếu, giảm 2,5% trong cả năm 2023 ở tất cả các kỳ hạn. Lợi suất trái phiếu trên thị trường thứ cấp tiếp tục giảm. Vào cuối tháng 12, lợi suất 1 năm, 10 năm và 15 năm trên thị trường thứ cấp ở mức 1,55%, 2,24% và 2,44%.

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP:

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đạt tăng trưởng GDP 5,05%, là mức thấp nhất trong vòng 10 năm không kể giai đoạn Covid năm 2020 – 2021. Nguyên nhân là sự suy giảm nhu cầu chi tiêu ở các thị trường nước ngoài làm ảnh hưởng đến cơ hội xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp trong nước và chính sách tiền tệ thắt chặt trong nửa đầu năm làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp bị siết chặt từ cuối năm 2022 đã khiến cho các doanh nghiệp bất động sản không thể cân đối dòng tiền kinh doanh và mất khả năng thanh toán các khoản trái phiếu đến hạn trong nửa đầu năm 2023. Thị trường TPDN dần có dấu hiệu phục hồi từ quý II/2023 nhờ: (1) Nghị định 08/2023/NĐ-CP được ban hành, tạo hành lang pháp lý cho việc giãn, hoãn thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu, (2) Nhu cầu đầu tư vào trái phiếu dần hồi phục, (3) Thị trường trái phiếu thứ cấp chính thức đi vào hoạt động, tạo thêm kênh giao dịch cho nhà đầu tư để có thể mua bán trái phiếu phát hành riêng lẻ.

Theo Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), tổng giá trị phát hành TPDN trong năm 2023 được ghi nhận là 312.000 tỷ đồng, tăng 27,6% so với năm 2022. Trong đó, ngân hàng là nhóm ngành phát hành cao nhất với hơn 176.000 tỷ đồng (chiếm 56,5% tổng giá trị phát hành), tiếp đến là nhóm bất động sản khoảng 73.200 tỷ đồng (chiếm 23,5%).

Các doanh nghiệp cũng đã tăng cường mua lại TPDN trước hạn. Tổng giá trị TPDN được các doanh nghiệp mua lại trước hạn trong năm 2023 đạt 248.564 tỷ đồng, tăng 8,1% so với năm 2022. Giá trị TPDN được mua lại bằng hơn 76% giá trị phát hành. Ngân hàng là nhóm ngành mua lại TPDN cao nhất với gần 129.000 tỷ đồng (chiếm 51,6% tổng giá trị mua lại trước hạn). Đáng chú ý, thống kê từ Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cho thấy trong năm 2023, có 35 công ty bất động sản đã xóa sạch nợ TPDN, chủ yếu mua lại trước hạn với tổng số tiền thanh toán cho các trái chủ hơn 20.000 tỷ đồng.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Trong năm 2023, VN-Index ghi nhận xu hướng phục hồi với sự gia tăng trở lại về mặt thanh khoản sau đợt bán tháo mạnh vào cuối năm 2022. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã góp phần cải thiện tâm lý của các nhà đầu tư trong bối cảnh vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, thu nhập của các công ty niêm yết sụt giảm và động thái bán rông liên tục của các nhà đầu tư nước ngoài, VN-Index đã tăng trưởng 12% so với cùng kỳ năm ngoái.

Diễn biến tích cực diễn ra trên diện rộng, với hầu hết các cổ phiếu đều phục hồi. Công nghệ thông tin (+43%), vật liệu (+42%) và công nghiệp (+24%) là những ngành mức độ tăng giá cao nhất. Mặt khác, các cổ phiếu Bất động sản nhìn chung ghi nhận mức giảm 7% so với cùng kỳ do thị trường bất động sản trầm lắng, mất cân bằng cung cầu và sự sụt giảm đáng kể của các cổ phiếu lớn như VIC, VRE, VHM.

Khối lượng giao dịch trung bình hàng ngày trên 3 sàn giao dịch vào năm 2023 là 740 triệu USD. Mặc dù con số này thấp hơn mức trung bình năm 2022 nhưng vẫn cải thiện 13,0% so với khối lượng giao dịch trung bình trong nửa cuối năm 2022, giai đoạn được đánh dấu bằng hoạt động bán tháo hoảng loạn trên thị trường. Các nhà đầu tư nước ngoài bán rông vào năm 2023 với số tiền 943 triệu USD, tuy nhiên dòng vốn nước ngoài chảy ra xảy ra trên tất cả các thị trường Đông Nam Á do đồng USD mạnh hơn.

VN-Index năm 2023 đã tăng trưởng

12%

so với cùng kỳ năm 2022.

Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản của các Quỹ liên kết đơn vị

Chiến lược đầu tư của các Quỹ liên kết đơn vị là xây dựng danh mục tài sản với mục tiêu về lợi nhuận kỳ vọng khác nhau, phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của từng nhà đầu tư.

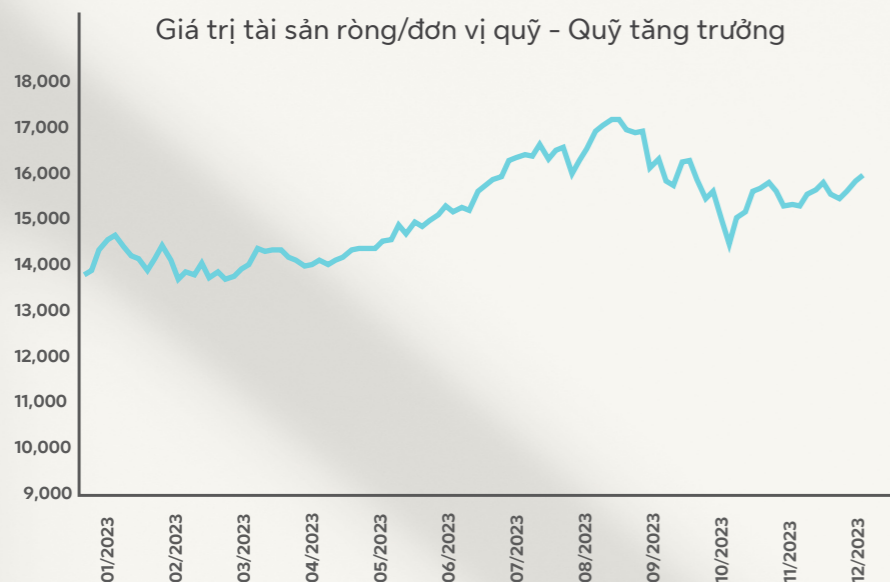
Tùy vào tình hình thị trường tài chính trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ phân bổ từng loại tài sản theo hạn mức đầu tư nêu trên để cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro cho từng danh mục.

TÊN QUỸ	MỤC TIÊU	CHÍNH SÁCH VÀ RỦI RO ĐẦU TƯ	DANH MỤC TÀI SẢN ĐẦU TƯ
QUỸ TĂNG TRƯỞNG	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao Rủi ro đầu tư: cao	Chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (tối thiểu 75%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 25%)
QUỸ TỐI ƯU	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam thuộc các lĩnh vực nền tảng của nền kinh tế, đóng góp chủ đạo cho GDP trong dài hạn: • Công nghiệp • Vật liệu • Công nghệ thông tin • Hàng tiêu dùng Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc các lĩnh vực công nghiệp, vật liệu, công nghệ thông tin và hàng tiêu dùng (tối thiểu 90%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ ĐẲNG CẤP	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam đối với các doanh nghiệp đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt, đáp ứng 3 tiêu chí: • Có giá trị vốn hóa tối thiểu 2.000 tỷ Đồng Việt Nam, • Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tối thiểu 10 tỷ Đồng Việt Nam trong 3 tháng gần nhất, • Tỷ lệ cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn có thể mua là thấp hơn 5% và giá trị không quá 500 tỷ Đồng Việt Nam (tối thiểu 90%). Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ CÂN BẰNG	Tạo ra sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Đầu tư vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn Rủi ro đầu tư: trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (35% - 65%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (35% - 65%)
QUỸ BỀN VỮNG	Tạo thu nhập ổn định song song với bảo toàn vốn trung và dài hạn	Đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định Rủi ro đầu tư: thấp	Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (100%)

Phân tích kết quả Đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị năm 2023

QUỸ TĂNG TRƯỞNG

Quỹ Tăng Trưởng có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 19.4%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 12.1% trong cùng giai đoạn đầu tư) trong năm 2023.



Năm 2023 là năm hoạt động thứ tư của các quỹ liên kết đơn vị. Nhìn chung, các quỹ vẫn đạt được kết quả đầu tư vượt trội so với các chỉ số chứng khoán chung.

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu đa dạng với tiềm năng phát triển dài hạn. Với mục tiêu đó, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng dài hạn như công nghệ, bán lẻ, ngân hàng, vật liệu, cảng biển.

PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ CÂN BẰNG TẠI NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2023

Phân bố tài sản:

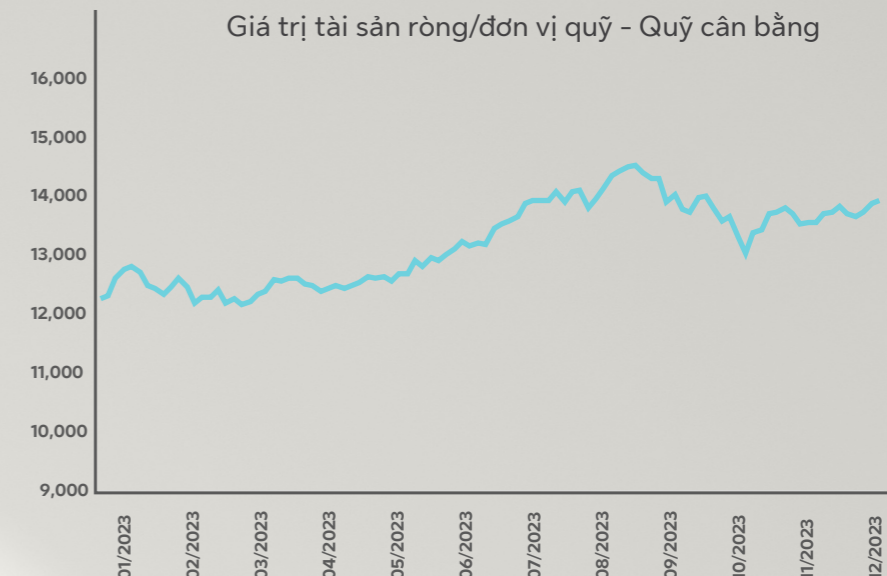
- Tiền mặt và tiền gửi: 4,9%
- Cổ phiếu: 94,2%
- Tài sản khác: 0,9%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	13,3%
2	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	7,3%
3	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	6,1%
4	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	5,9%
5	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	4,6%
6	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4,5%
7	Cổ Phiếu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4,2%
8	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3,9%
9	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	3,6%
10	Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept	3,3%

QUỸ CÂN BẰNG

Quỹ Cân Bằng có sự thay đổi trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 16,2%, tương ứng mức trung bình của VN-Index (tăng 12,1%) và lãi suất trung bình trái phiếu Chính phủ kỳ hạn mười năm (3,3%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2023.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ BỀN VỮNG TẠI NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2023

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 10,02%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 29,21%
- Cổ phiếu: 60,27%
- Tài sản khác: 0,50%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

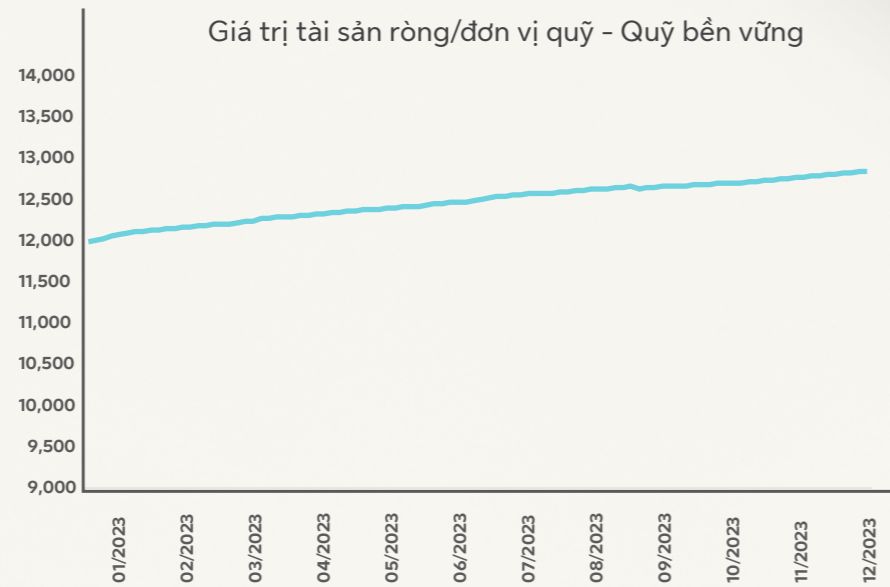
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Taseco	17,2%
2	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	8,7%
3	Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	8,6%
4	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	4,3%
5	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	3,9%
6	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	3,8%
7	Trái phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	3,4%
8	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	2,9%
9	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	2,9%
10	Cổ Phiếu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	2,7%

Trong năm 2023, đối với danh mục cổ phiếu, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng lâu dài như công nghệ, bán lẻ, vật liệu, ngân hàng.

Đối với danh mục trái phiếu, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp đầu ngành, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Tiền gửi chỉ được sử dụng để dự trữ thanh khoản.

QUỸ BỀN VỮNG

Quỹ Bền Vững đạt mức tăng giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ ở mức 7,3%, cao hơn so với lãi suất trung bình của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (3,3%) trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2023.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ BỀN VỮNG TẠI NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2023

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 43,0%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 55,65%
- Tài sản khác: 1,36%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

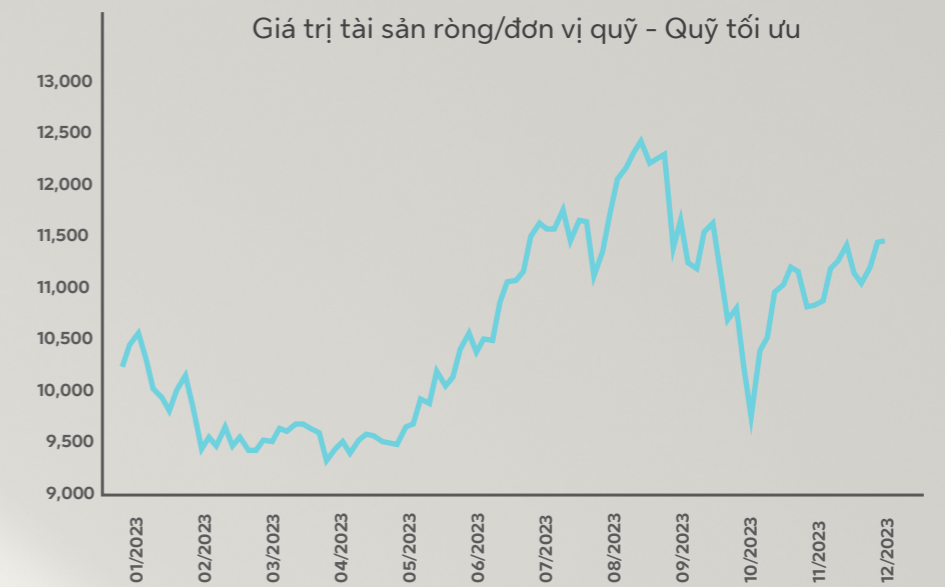
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Taseco	17,2%
2	Trái phiếu Công ty cổ phần Transimex	12,7%
3	Trái phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	11,5%
4	Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	10,3%
5	Trái phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	3,9%

Trong năm 2023, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp đầu ngành, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Ngoài ra, Quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho thanh khoản cũng như các cơ hội giải ngân tiếp theo.



QUỸ TỐI ƯU

Quỹ Tối Ưu có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ ở mức tăng 14,63%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 5,8%) kể từ ngày thành lập quỹ đến ngày kết thúc năm tài chính.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ CÂN BẰNG TẠI NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2023

Phân bố tài sản:

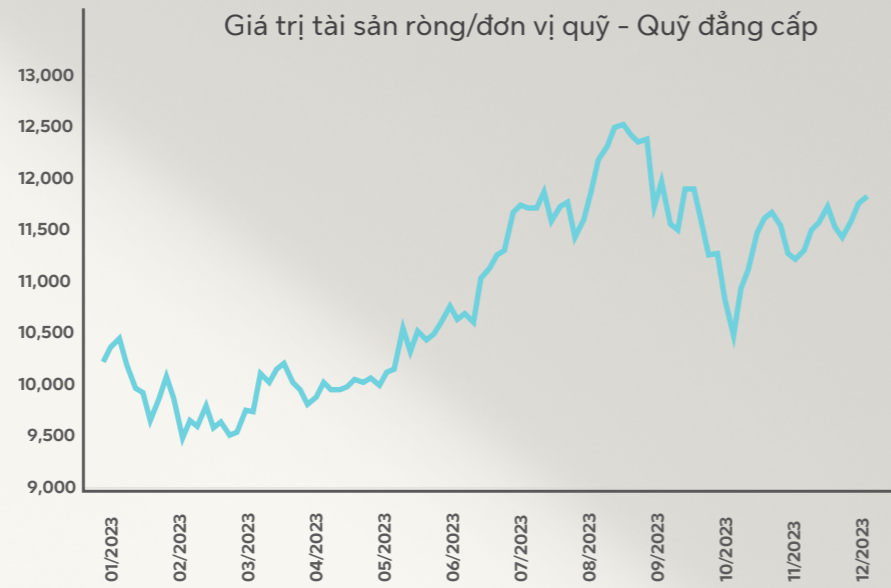
- Tiền mặt và tiền gửi: 0,03%
- Cổ phiếu: 99,74%
- Tài sản khác: 0,23%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	10,7%
2	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	10,2%
3	Cổ phiếu công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	9,1%
4	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	8,9%
5	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	8,6%
6	Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	5,0%
7	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	4,6%
8	Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept	4,3%
9	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	3,1%
10	Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng	3,0%

QUỸ ĐĂNG CẤP

Quỹ Đăng Cấp có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 18,42%, tốt hơn so với VN-Index (tăng 5,8%) kể từ ngày thành lập quỹ đến ngày kết thúc năm tài chính.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ ĐĂNG CẤP TẠI NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2023:

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 0,38%
- Cổ phiếu: 99,62%
- Tài sản khác: 0%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	
1	Cổ phiếu CTCP Đầu tư Thế giới Di động	15,7%
2	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	15,1%
3	Cổ phiếu Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	11,8%
4	Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept	10,7%
5	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	7,7%
6	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	7,5%
7	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	7,1%
8	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	6,0%
9	Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	4,5%
10	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	3,4%

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt thỏa mãn các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày và cơ bản đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Danh mục của quỹ được tái cơ cấu hàng quý để đảm bảo việc phân bổ tài sản thỏa mãn các tiêu chí đầu tư đã được đề ra ban đầu. Bên cạnh đó, quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho nhu cầu thanh khoản.

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị

Phí bảo hiểm và tình hình thay đổi đơn vị quỹ liên kết đơn vị trong năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:	266.039.868.240
- Phí cơ bản:	226.677.322.784
- Phí đóng thêm:	39.362.545.456
B. Chênh lệch giữa phí bảo hiểm đã thu chờ phân bổ tại cuối năm 2023 và cuối năm 2022	(2.445.912.971)
Phí bảo hiểm đã thu nhưng chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.619.224.977
Phân bổ phí bảo hiểm đã thu nhưng chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	(5.065.137.948)
C. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị	120.000.000.000
Quỹ Tối Ưu	60.000.000.000
Quỹ Đăng Cấp	60.000.000.000
D. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị	116.797.499.790
Năm thứ nhất	4.250.758.442
Năm thứ hai	66.158.525.873
Năm thứ ba	45.647.780.019
Năm thứ tư	740.435.456
E. Tổng số phí đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị: (A-B-D)	151.688.281.421

(Đơn vị tính: VND)

TÊN QUỸ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	256.755.575.347	19.145.233	13.413	13.413
Quỹ Cân Bằng	49.526.875.734	4.120.020	12.021	12.021
Quỹ Bền Vững	79.736.831.720	6.696.037	11.908	11.908
Quỹ Tối Ưu	-	-	-	-
Quỹ Đăng Cấp	-	-	-	-
	386.019.282.801	29.961.290	(**)	

TÊN QUỸ	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	81.120.575.474	2.018.125	(*)	(*)
Quỹ Cân Bằng	8.897.984.880	68.402	(*)	(*)
Quỹ Bền Vững	7.296.496.489	74.864	(*)	(*)
Quỹ Tối Ưu	69.202.980.265	6.036.901	(*)	(*)
Quỹ Đăng Cấp	71.421.700.473	6.031.146	(*)	(*)
	237.939.737.581	14.229.438		

TÊN QUỸ	SỐ DƯ CUỐI NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	337.876.150.821	21.163.358	15.966	15.966
Quỹ Cân Bằng	58.424.860.614	4.188.422	13.949	13.949
Quỹ Bền Vững	87.033.328.209	6.770.901	12.854	12.854
Quỹ Tối Ưu	69.202.980.265	6.036.901	11.463	11.463
Quỹ Đăng Cấp	71.421.700.473	6.031.146	11.842	11.842
	623.959.020.382	44.190.726	(**)	

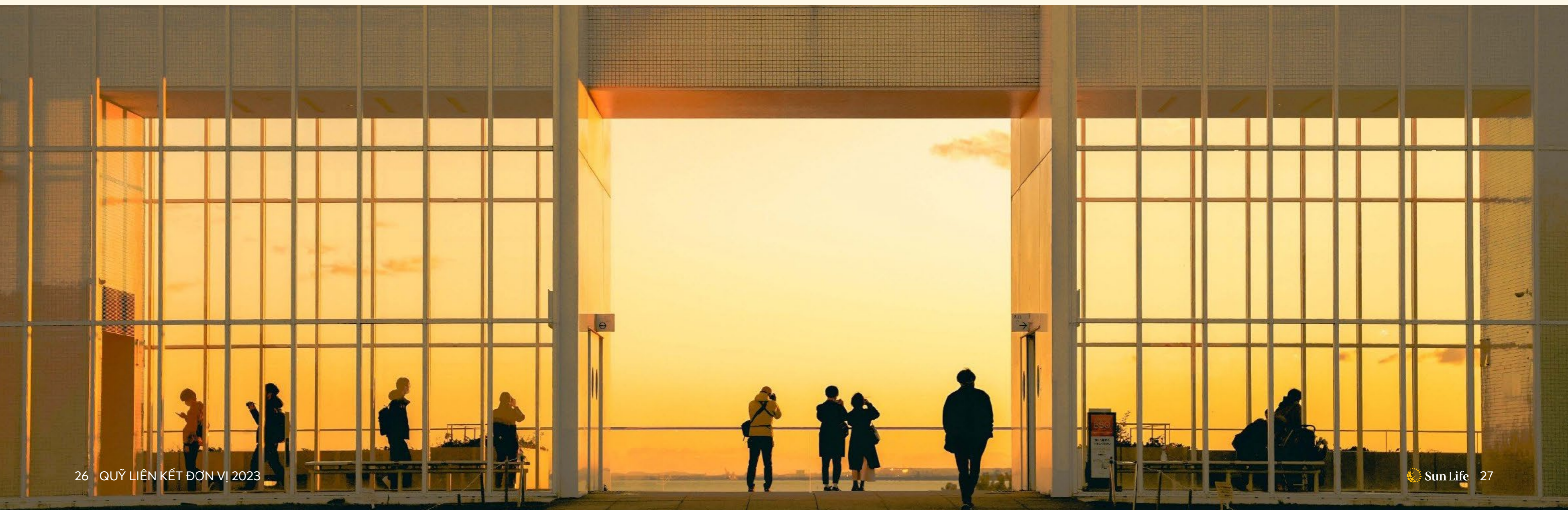
(*) Không áp dụng.

(**) Bao gồm 21.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 22.770.726 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm (tại ngày đầu năm: 9.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 20.541.290 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm).

TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Tiền	16.398.265.633	361.066.710	13.535.900.461	18.795.785	269.101.015	30.583.129.604
Danh mục các khoản đầu tư	317.988.926.001	57.845.046.579	72.580.279.890	69.136.044.998	71.272.612.296	588.822.909.764
Tiền gửi có kỳ hạn	-	5.500.000.000	24.000.000.000	-	-	29.500.000.000
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	-	17.089.972.678	48.580.279.890	-	-	65.670.252.568
Cổ phiếu	317.988.926.001	35.255.073.901	-	69.136.044.998	71.272.612.296	493.652.657.196
Tài sản khác	3.488.959.187	218.747.325	917.147.858	48.139.482	-	4.672.993.852
Tổng tài sản	337.876.150.821	58.424.860.614	87.033.328.209	69.202.980.265	71.541.713.311	624.079.033.220
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	120.012.838	120.012.838
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	337.876.150.821	58.424.860.614	87.033.328.209	69.202.980.265	71.421.700.473	623.959.020.382
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	256.755.575.347	49.526.875.734	79.736.831.720	-	-	386.019.282.801



THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

(*) Phí hoạt động đầu tư áp dụng trên cơ sở tổng tài sản của Quỹ

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Thu nhập						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ	140.159.205.716	5.841.318.946	4.767.390.451	489.453.233	430.913.075	151.688.281.421
Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các quỹ liên kết đơn vị (nếu có)	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000	120.000.000.000
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	57.709.792.529	9.191.035.014	7.899.913.885	10.157.814.868	12.498.841.402	97.457.397.698
Tiền gửi có kỳ hạn	473.054.794	371.662.187	1.648.033.657	-	-	2.492.750.638
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	-	1.730.488.499	6.251.880.228	-	-	7.982.368.727
Cổ phiếu	57.236.737.735	7.088.884.328	-	10.157.814.868	12.498.841.402	86.982.278.333
Thu khác	396.446.658	45.764.972	43.262.454	42.900.335	39.187.833	567.562.252
Tổng thu nhập	198.265.444.903	15.078.118.932	12.710.566.790	70.690.168.436	72.968.942.310	369.713.241.371
Chi phí						
Phí bảo hiểm rủi ro	38.872.174.433	1.787.378.323	891.427.449	138.563.859	130.825.737	41.820.369.801
Phí quản lý hợp đồng	5.390.495.344	256.799.777	146.201.057	21.239.764	21.158.290	5.835.894.232
Phí chuyển đổi quỹ	600.000	-	550.000	-	-	1.150.000
Rút giá trị tài khoản	65.325.862.662	2.880.511.615	2.817.939.372	16.390.420	8.901.388	71.049.605.457
Phí hoạt động đầu tư	7.555.736.990	1.255.444.337	1.557.952.423	1.310.994.128	1.386.356.422	13.066.484.300
Tổng chi phí	117.144.869.429	6.180.134.052	5.414.070.301	1.487.188.171	1.547.241.837	131.773.503.790
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí	81.120.575.474	8.897.984.880	7.296.496.489	69.202.980.265	71.421.700.473	237.939.737.581
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ kỳ trước sang						
Thu nhập phân chia	81.120.575.474	8.897.984.880	7.296.496.489	69.202.980.265	71.421.700.473	237.939.737.581
Cho chủ hợp đồng	81.120.575.474	2.303.773.413	1.620.748.807	422.991.378	368.825.282	85.836.914.354
Cho chủ sở hữu về thu nhập của quỹ mỗi	-	6.594.211.467	5.675.747.682	68.779.988.887	71.052.875.191	152.102.823.227
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-

Triển vọng năm 2024



Kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức

6,0% - 6,5%

nhờ sản xuất và thương mại cải thiện.

1 Triển vọng thị trường

KINH TẾ VĨ MÔ

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2024 vẫn còn đối mặt với một số khó khăn, thách thức do tác động trễ của chính sách thắt chặt tiền tệ vào trong năm 2022-2023 và các xung đột chính trị kéo dài đều có thể ảnh hưởng đến đà hồi phục Việt Nam trong năm 2024. Dù vậy, kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 6,0% - 6,5% nhờ sản xuất và thương mại cải thiện trên mức nền thấp của năm 2023 và Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các chính sách tài khoá và tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế. Ngoài ra, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) được kỳ vọng sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất trong năm 2024, qua đó giảm bớt áp lực tỷ giá tại Việt Nam. Rủi ro tỷ giá và lạm phát được kiểm soát có thể hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước linh hoạt hơn trong việc điều tiết bằng bảng lãi suất. Bên cạnh đó, ngành bất động sản và hoạt động xây dựng sẽ dần phục hồi nhờ lãi suất cho vay mua nhà giảm và các cải cách pháp lý hiện tại nhằm tháo gỡ các trở ngại về mặt pháp lý cho các chủ đầu tư.

Những lợi thế cơ bản của Việt Nam — như vị trí địa lý, dân số trẻ/lớn, chi phí lao động cạnh tranh và danh sách dài các hiệp định thương mại tự do (FTA) — có thể tiếp tục thu hút dòng vốn FDI trong trung và dài hạn.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Mức lãi suất trung bình đã giảm xuống mức thấp hơn so với thời kỳ Covid-19, khiến việc cắt giảm thêm trở thành thách thức. Với kịch bản lạm phát được kiểm soát ở mức 4% - 4,5%, áp lực tỷ giá bớt căng thẳng và dòng USD vào VN mạnh, duy trì lãi suất ở mức thấp trong thời gian vừa đủ tiếp tục là mục tiêu ưu tiên hỗ trợ nền kinh tế của NHNN trong năm 2024, có thể kéo dài đến cuối quý 3 2024, trước khi tăng nhẹ - 0,5% trong quý 4 2024.

Lãi suất huy động được kỳ vọng ở mức 5% - 6% nhờ thanh khoản hệ thống vẫn ở mức thặng dư trong 6 tháng đầu năm, và tăng nhẹ từ 0,5% - 1% ở những tháng cuối năm. Lãi suất cho vay cũng được kỳ vọng giảm tiếp tục. Về mục tiêu đến năm 2024, NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 15%, gửi đi thông điệp bơm thanh khoản vào nền kinh tế cần mạnh mẽ hơn.

Thanh khoản liên ngân hàng sẽ ở mức thấp trong 6 tháng đầu năm. Lãi suất liên ngân hàng có thể tăng đột biến, có thể vào dịp Tết Nguyên Đán, sau đó sẽ nhanh chóng quay trở lại mức thấp. Nửa cuối năm, thanh khoản thị trường có thể giảm dư thừa, đẩy lãi suất liên ngân hàng lên cao.

Tỷ giá USD/VNĐ được kỳ vọng duy trì ổn định trong năm 2024. Việc cắt giảm lãi suất của Fed có thể giúp thu hẹp chênh lệch âm giữa lãi suất ngắn hạn VNĐ và USD, đồng thời giảm bớt áp lực lên tỷ giá trong nửa cuối năm 2024. Hơn nữa, sự ổn định còn được hỗ trợ từ dòng vốn nước ngoài từ kiều hối và dòng vốn FDI, thặng dư thương mại nhờ hoạt động xuất khẩu có dấu hiệu phục hồi.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn vào năm 2024 là không đáng kể. Tuy nhiên, tổng nhu cầu vay vốn ngân sách nhà nước dự kiến sẽ tăng 7% - 8% so với cùng kỳ. Ngoài ra, Kho bạc Nhà nước còn phải đối mặt với áp lực phát hành lớn hơn do nguồn vốn phân bổ cho đầu tư phát triển tăng lên, với tốc độ giải ngân đầu tư công được kỳ vọng tăng mạnh thể hiện ở quyết tâm của chính phủ trong việc thực hiện một số dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, có tính liên kết vùng và hạ tầng đô thị lớn. Vào năm 2024, các khoản vay ngắn hạn có thể được huy động tích cực hơn nếu việc huy động các khoản vay dài hạn trở nên khó khăn. Lợi suất trái phiếu chính phủ được dự đoán sẽ đi ngang trong sáu tháng đầu năm. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm khả năng cao lợi suất trái phiếu sẽ tăng.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, năm 2024 sẽ là một năm có nhiều thách thức. Theo ước tính của Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, có gần 278.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2024. Trong đó, 41% giá trị trái phiếu doanh nghiệp sắp đáo hạn thuộc nhóm bất động sản với gần 114.000 tỷ đồng, tiếp đến là nhóm ngân hàng với gần 55.000 tỷ đồng, chiếm 20%.

Từ năm 2024, Nghị định 65/2022 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và quốc tế được triển khai đầy đủ sau một thời gian hoãn một số quy định theo Nghị định 08/2023. Theo đó, những tổ chức phát hành bắt buộc phải có xếp hạng tín nhiệm; cá nhân đầu tư trái phiếu doanh nghiệp phải là nhà đầu tư chuyên nghiệp; rút ngắn thời gian phân phối trái phiếu doanh nghiệp của từng đợt phát hành... Điều này có thể khiến thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ gặp khó khăn, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp bất động sản trong bối cảnh thị trường bất động sản vẫn đang cho thấy sự phục hồi yếu.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

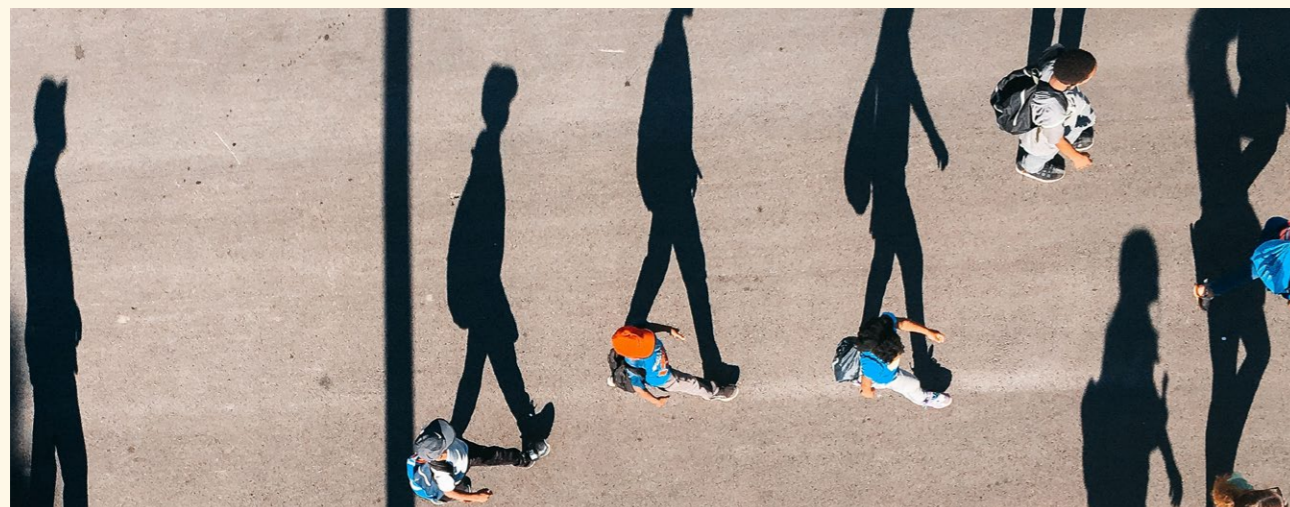
Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024, được hỗ trợ bởi dự báo kinh tế thuận lợi, tăng trưởng thu nhập phục hồi, định giá hấp dẫn và môi trường lãi suất thấp. Hơn nữa, dòng vốn nước ngoài được kỳ vọng sẽ quay trở lại Việt Nam, được thúc đẩy bởi việc cắt giảm lãi suất từ các ngân hàng trung ương toàn cầu tại các thị trường phát triển và đồng USD yếu hơn, khiến các thị trường như Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn. Ngoài ra, những nỗ lực trong việc nâng hạn thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi tiếp tục hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư. Dữ liệu của Bloomberg cho thấy VN-Index đang giao dịch ở mức hấp dẫn với tỷ số Giá/Lợi nhuận (P/E) cho năm 2024 là 10.x.

Ở chiều ngược lại những rủi ro mà nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ phải đối mặt là: (1) xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tạm ngưng trong bối cảnh cả sức mua (trong nước và thế giới) lẫn nhu cầu vốn của nền kinh tế Việt Nam đều chưa có sự cải thiện đáng kể; (2) giá cả hàng hóa bật tăng trở lại đi cùng xu hướng mạnh lên của đồng USD kéo theo mức lạm phát cao hơn; (3) căng thẳng địa chính trị trong khu vực và trên thế giới tiếp tục tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của các đối tác thương mại và đầu tư lớn của Việt Nam.

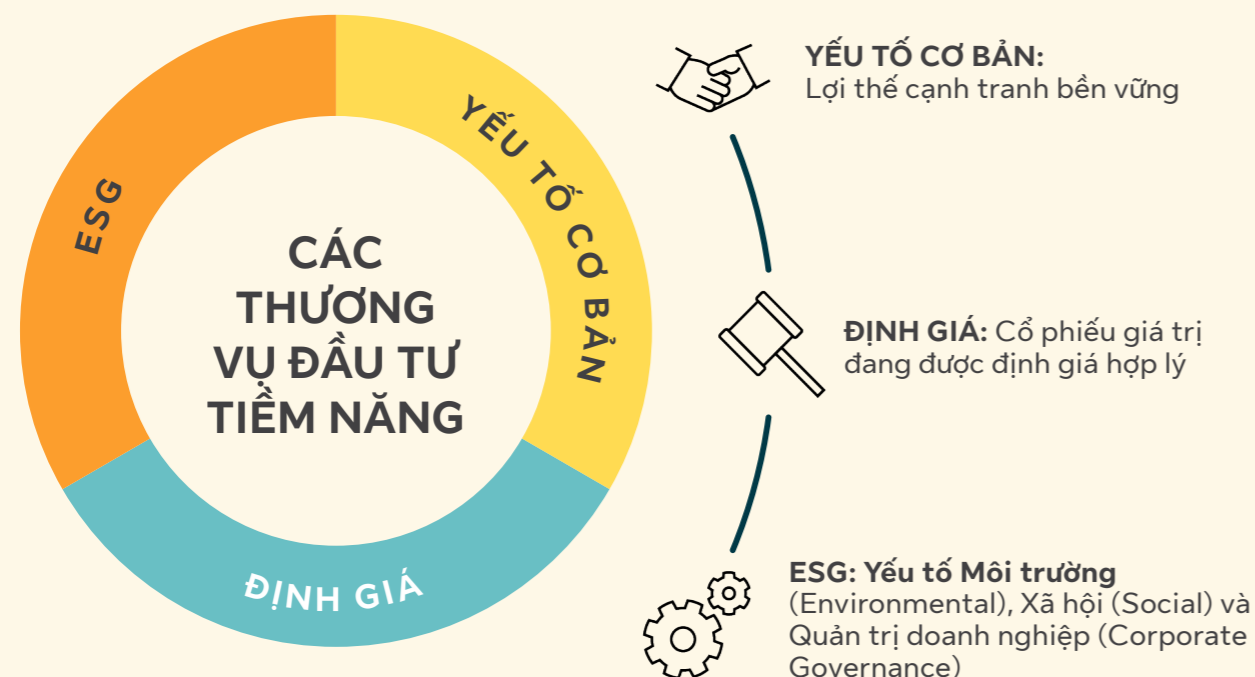
Trong năm 2024, với kỳ vọng rằng sự phân hóa giữa các cổ phiếu sẽ tiếp tục rõ nét hơn đặt trong bối cảnh mức độ biến động lớn của thị trường, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên tập trung vào các doanh nghiệp đầu ngành với vị thế kinh doanh tốt, nền tảng tài chính vững mạnh, hưởng lợi từ chính sách trong nước và xu hướng toàn cầu. Các ngân hàng với chất lượng tài sản tốt, các doanh nghiệp công nghệ, bất động sản khu công nghiệp, các doanh nghiệp phát triển hạ tầng và công ty chứng khoán là những khoản đầu tư tiềm năng.

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

SSIAM được thành lập vào 2007 và là một thành viên thuộc 100% sở hữu của Công ty CPCK SSI – công ty chứng khoán lớn nhất thị trường Việt Nam tính theo vốn hóa thị trường và doanh thu.



TRIẾT LÝ ĐẦU TƯ VÀ SỰ KHÁC BIỆT CỦA SSIAM



14,532 Tỷ đồng

(TÍNH ĐẾN THÁNG 02/2024)

- Tổng giá trị tài sản SSIAM quản lý khoảng 14,532 tỷ đồng (tính đến tháng 02/2024).

- Với mạng lưới của SSI và nhiều năm kinh nghiệm của SSIAM, SSIAM mang lại cho khách hàng những cơ hội đầu tư tốt nhất trên thị trường, được chọn lọc kỹ lưỡng thông qua quá trình phân tích chuyên sâu dựa trên sự kết hợp hài hòa của phương pháp phân tích từ dưới lên và từ trên xuống, cũng như dựa trên năng lực thực hiện đầu tư và quản lý hậu đầu tư hiệu quả.

SSIAM ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN VỚI NHỮNG GIẢI THƯỞNG ĐÁNG TỰ HÀO



ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021



THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Phát hành ETF của Năm” 2021

AsianInvestor

THE ASIANINVESTOR

- “Công Ty Quản lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công Ty Quản lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022



ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

GIỚI THIỆU CÁC
GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU TỪ
Sun Life



Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung

SUN - SỐNG MỚI

Giải pháp tài chính tiên phong

Chấp cánh cho hành trình khác biệt



Đa tầng bảo vệ

Trước các rủi ro, đặc biệt chi trả đến 1 tỷ đồng với quyền lợi Bệnh hiểm nghèo⁽¹⁾



Chở che gia đình 3 thế hệ

Quyền lợi đột phá khi có người phụ thuộc⁽¹⁾



Tích lũy hiệu quả

Lãi suất được đảm bảo và thưởng hấp dẫn



Hưu trí thành thơi

Đặc quyền rút tiền định kỳ tự động, miễn phí

Quét mã để tham khảo
thông tin sản phẩm



(1) Tùy vào độ tuổi, thời gian đóng phí, Số tiền bảo hiểm, Chương trình tham gia và áp dụng theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.



Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung

SUN - SỐNG TINH HOA

Giải pháp tài chính vượt trội

Mở khoá đặc quyền, nâng tầm tích lũy



Tích lũy và kế thừa tinh hoa

Với lãi suất đảm bảo trong suốt Thời hạn bảo hiểm và các khoản thưởng hấp dẫn



Bảo vệ vượt trội

Với phí bảo vệ đặc biệt ưu đãi



Linh hoạt kế hoạch tài chính

Đóng phí, rút rút tiền, điều chỉnh kế hoạch bảo hiểm



Đặc quyền ưu tiên thẩm định

Dành riêng cho khách hàng cao cấp của SUN - Sống Tinh Hoa

Quét mã để tham khảo thông tin sản phẩm



Các giải pháp Bảo hiểm Bổ sung

Gia tăng bảo vệ đa tầng toàn diện cho cả gia đình với các sản phẩm bổ sung

Bảo hiểm bổ sung Sống Chất

Giải pháp chăm sóc sức khỏe toàn diện với Quyền lợi San sẻ yêu thương đặc biệt cho gia đình 3 thế hệ

Bảo hiểm bổ sung Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện

Bảo vệ tài chính trước rủi ro bệnh hiểm nghèo

Bảo hiểm bổ sung Hỗ Trợ Viện Phí

Dự phòng tài chính khi nằm viện

Bảo hiểm bổ sung Đóng Phí Bệnh Hiểm Nghèo

Miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai nếu không may mắc bệnh hiểm nghèo

Bảo hiểm bổ sung Tử kỳ

Bảo vệ tài chính trước rủi ro tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Bảo hiểm bổ sung Sống An

Bảo vệ tài chính trước các rủi ro tai nạn

Bảo hiểm bổ sung Hỗ Trợ Đóng Phí

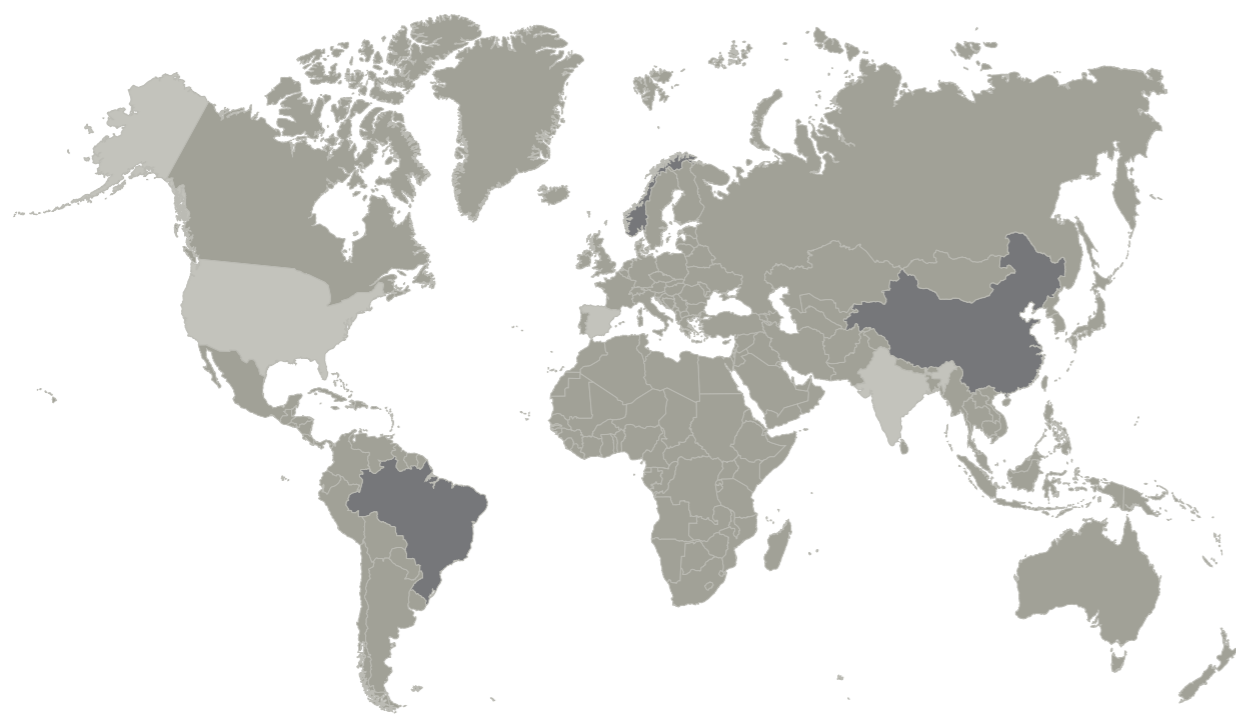
Miễn đóng phí bảo hiểm trong tương lai khi thành viên trụ cột Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn





TẬP ĐOÀN

Sun Life



ĐƯỢC THÀNH LẬP

1865

TẠI CANADA



PHỤC VỤ

85 Triệu

KHÁCH HÀNG



HOẠT ĐỘNG TẠI

28

THỊ TRƯỜNG

1,400

TỶ ĐÔ LA CANADA

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUẢN LÝ(*)



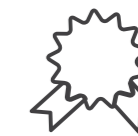
58,200

NHÂN VIÊN(*)

91,700



TƯ VẤN
TÀI CHÍNH(*)



Giải thưởng

- Top 100 Công ty phát triển bền vững nhất thế giới
- Thương hiệu được tin nhiệm nhất
- Global100 15 năm liên tiếp
- Nơi làm việc tốt nhất

XẾP HẠNG SỨC MẠNH TÀI CHÍNH

Standard & Poor's

Moody's

A.M. Best

DBRS

AA

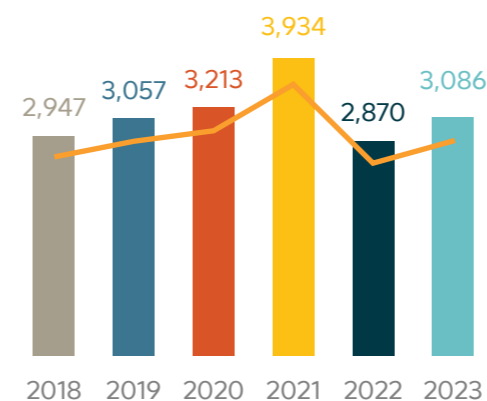
AA3

A+

AA

LỢI NHUẬN KINH DOANH

Đơn vị: triệu Đô Canada

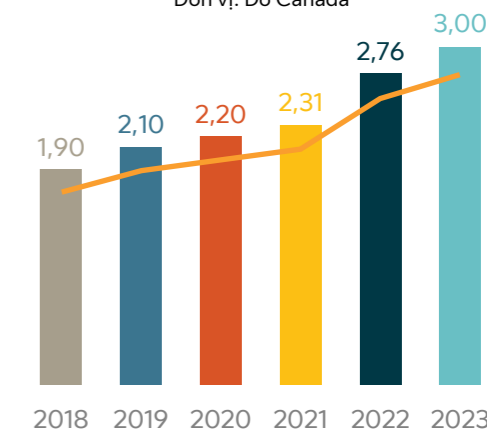


TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN

14,7%

CỔ TỨC TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Đơn vị: Đô Canada



TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC

47%

(*) Số liệu tính đến 31/12/2023

SUNLIFE VIỆT NAM

1

TOP 1
SẢN PHẨM HỮU TRÍ



17.944
TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ



54
VĂN PHÒNG KINH DOANH
& TỔNG ĐẠI LÝ TRÊN TOÀN QUỐC



CÔNG TY CUNG CẤP GIẢI PHÁP
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2021

TOP 10 CÔNG TY
BẢO HIỂM NHÂN THỌ
UY TÍN NHẤT VIỆT NAM 2021

ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN

"NƠI LÀM VIỆC XUẤT SẮC"

NĂM 2022, 2023
DO GREAT PLACE TO WORK® TRAO TẶNG

